

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2014

ĐƠN VỊ BÁO CÁO : CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2014**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01a-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2014	1-2
2	B02a-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2014	3-3
3	B03a-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2014	4-4
4	B09a-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2014	5-11

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01a-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014*

TÀI SẢN	MÃ SỐ	NGÀY 30/06/2014 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2014 TOÀN CÔNG TY
1	2	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	146.574.983.611	115.626.805.040
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)			
I - Tiền	110	7.646.231.081	4.536.508.000
1 - Tiền	111	7.646.231.081	4.536.508.000
III - Các khoản phải thu	130	65.846.096.832	52.586.403.723
1 - Phải thu của khách hàng	131	46.929.276.043	41.277.289.269
2 - Trả trước cho người bán	132	2.468.271.868	42.180.667
5 - Các khoản phải thu khác	135	16.806.748.359	11.665.133.225
6 - Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	(358.199.438)	(398.199.438)
IV - Hàng tồn kho	140	45.743.203.757	37.450.420.935
1 - Hàng tồn kho	141	45.743.203.757	37.450.420.935
V - Tài sản ngắn hạn khác	150	27.339.451.941	21.053.472.382
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.075.322.813	1.644.545.182
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152	6.261.823.184	5.034.266.109
3 - Thuế và các khoản thuế phải thu Nhà nước	154	8.374.946.599	8.374.144.917
5 - Tài sản ngắn hạn khác	158	7.627.359.345	6.000.516.174
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.040.419.175.336	1.089.199.243.736
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)			
II - Tài sản cố định	220	1.022.297.830.366	1.073.736.430.036
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	1.022.179.984.267	1.073.673.387.795
- Nguyên giá	222	1.749.430.035.496	1.755.942.819.399
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(727.250.051.229)	(682.269.431.604)
3 - Tài sản cố định vô hình	227	15.888.899	38.722.241
- Nguyên giá	228	238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(222.765.601)	(199.932.259)
4 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	101.957.200	24.320.000
III - Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	5.785.803.477	5.785.803.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15.462.813.700	15.462.813.700
3 - Đầu tư dài hạn khác	258	22.280.507.645	22.280.507.645
4 - Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259	(6.817.693.945)	(6.817.693.945)
V - Tài sản dài hạn khác	260	2.658.531.270	-
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	2.658.531.270	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1.186.994.158.947	1.204.826.048.776

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số: B01a-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

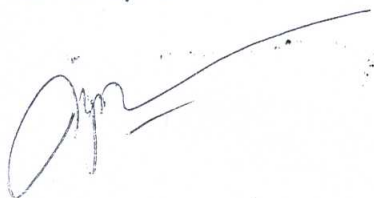
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	NGÀY 30/06/2014 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2014 TOÀN CÔNG TY
1	2	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	999.264.635.639	992.420.564.204
I - Nợ ngắn hạn	310	373.309.462.839	366.747.610.897
1 - Vay và nợ ngắn hạn	311	168.097.288.088	189.824.247.704
2 - Phải trả người bán	312	114.029.373.326	82.212.365.629
3 - Người mua trả tiền trước	313	2.922.997.018	2.251.745.901
4 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	3.158.922.304	4.447.300.073
5 - Phải trả công nhân viên	315	17.248.684.167	24.727.188.287
6 - Chi phí phải trả	316	8.861.884.619	5.276.698.886
9 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	54.002.569.217	52.713.180.317
11 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.987.744.100	5.294.884.100
II - Nợ dài hạn	330	625.955.172.800	625.672.953.307
4 - Vay và nợ dài hạn	334	625.955.172.800	625.238.050.400
8 - Doanh thu chưa thực hiện	338	-	12.727.273
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	187.729.523.308	212.405.484.572
I - Vốn chủ sở hữu	410	187.729.523.308	212.405.484.572
1 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	200.000.000.000	200.000.000.000
7 - Quỹ đầu tư phát triển	417	71.609.059.675	71.609.059.675
8 - Quỹ dự phòng tài chính	418	11.323.662.179	11.323.662.179
10 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(95.203.198.546)	(70.527.237.282)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1.186.994.158.947	1.204.826.048.776

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NGÀY 30/06/2014 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2014 TOÀN CÔNG TY
1 - Tài sản thuê ngoài			
2 - Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3 - Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4 - Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		303.509.700	303.509.700
5 - Ngoại tệ các loại			
- Ngoại tệ USD		23.626,03	39.159,68
6 - Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 19 tháng 07 năm 2014



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số: B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ II NĂM 2014

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
		QUÝ II NĂM 2014	QUÝ II NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2013
		TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1	2		4	5	6
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	170.498.625.600	160.968.951.050	343.693.417.158	327.682.539.180
2 - Các khoản giảm trừ	02	-	-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	170.498.625.600	160.968.951.050	343.693.417.158	327.682.539.180
4 - Giá vốn hàng bán	11	161.691.191.509	166.403.628.065	326.386.724.443	335.836.616.927
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	8.807.434.091	(5.434.677.015)	17.306.692.715	(8.154.077.747)
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	127.782.618	153.324.004	650.478.581	642.313.815
7 - Chi phí tài chính	22	14.473.815.104	25.121.791.103	24.347.415.424	40.815.210.291
Trong đó : Chi phí lãi vay	23	14.093.379.290	17.616.153.187	23.824.796.613	29.765.529.097
8 - Chi phí bán hàng	24	3.451.968.069	3.160.491.922	6.570.813.863	7.913.694.195
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.367.719.980	6.111.349.860	12.047.123.077	11.612.417.696
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(15.358.286.444)	(39.674.985.896)	(25.008.181.068)	(67.853.086.114)
30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)					
11 - Thu nhập khác	31	2.382.344.298	2.168	2.382.374.501	8.217.170
12 - Chi phí khác	32	2.049.603.982	133.531.246	2.050.154.697	696.611.948
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	332.740.316	(133.529.078)	332.219.804	(688.394.778)
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(15.025.546.128)	(39.808.514.974)	(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-	-	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	(15.025.546.128)	(39.808.514.974)	(24.675.961.264)	(68.541.480.892)
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(751)	(1.990)	(1.234)	(1.769)

Lập ngày 30 tháng 07 năm 2014

TRƯỞNG PHÒNG TCKT

Jun

NGƯỜI LẬP

[Signature]

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số : B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

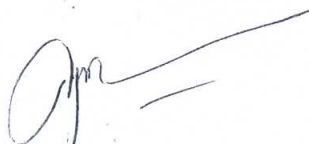
QUÝ II NĂM 2014

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
		NĂM 2014	NĂM 2013
1	2	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	322.493.392.815	340.957.921.554
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(227.976.518.140)	(259.896.993.278)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.490.841.689)	(46.956.255.844)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04	(24.473.170.106)	(25.559.322.540)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.310.507.362	40.275.053.184
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.056.919.141)	(44.943.468.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	21.806.451.101	3.876.934.122
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(669.637.200)	(529.854.327)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2.620.000.000	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	324.747.942	857.302.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.275.110.742	327.448.421
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	192.184.331.635	209.402.049.351
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(213.216.861.744)	(215.556.406.017)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(72.175.000)	(6.805.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(21.104.705.109)	(6.161.161.666)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50	2.976.856.734	(1.956.779.123)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	4.649.519.425	8.446.244.168
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.854.922	27.809.956
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	7.646.231.081	6.517.275.001

Lập, ngày 19 tháng 7 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số : 09a-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2014

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/6/2014, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ , quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/6/2014, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 948 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong quý II năm 2014 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

Về nguồn hàng : Nguồn hàng khan hiếm. Giá cước chở thuê thấp và cước thuê định hạn giảm.

Chi phí đầu vào như nhiên liệu, vật liệu, sắt thép và dịch vụ đều tăng nên ảnh hưởng đến chi phí của đội tàu.

04 tàu lên đà sửa chữa nên ảnh hưởng đến doanh thu của đội tàu.

Thời tiết mưa nhiều, thời gian chờ đợi, xếp dỡ hàng kéo dài.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2014 bắt đầu từ ngày 01/04/2014 đến 30/06/2014.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.

- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán

- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Nhật ký chung

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua đến thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch bình quân thực tế của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại số dư các khoản tiền, các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC — 30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay : Thực hiện theo chuẩn mục 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mục TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí hoạt động SXKD kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí SXKD.

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn : Công ty trích chi phí sửa chữa lớn cho đội tàu biển của Công ty. Công ty xây dựng dự tính mức chi phí sửa chữa 1 lần lên đà (2,5 năm 1 lần). Sau đó tính trích chi phí sửa chữa cho 1 năm. Sau 3 năm sẽ quyết toán số chi phí sửa chữa lớn đã trích và số thực tế đã phát sinh. Theo chu kỳ mới, năm 2013 công ty bắt đầu trích sửa chữa lớn đội tàu và quyết toán vào năm 2015.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mục số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng , được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÁC SỰ KIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ KẾ TOÁN QUÝ II NĂM 2014

1- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :
Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu Quý II năm 2014 :

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	5	6
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	31.968.055.163	314.900.777.017
Tăng trong năm trước					
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lỗ 12 tháng năm 2013					(107.894.901.770)
- Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2010				7.834.836.698	7.834.836.698
- Điều chỉnh thuế TGTGT đầu vào không được khấu trừ năm 2010				(663.260.183)	(663.260.183)
- Điều chỉnh thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ năm 2009				(2.288.757.474)	(2.288.757.474)
- Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2008 do không khấu trừ VAT của tàu chạy giữa các cảng Nước ngoài và điều chỉnh theo BBKT thuế của XNDVVVT				539.308.219	539.308.219
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh Thuế GTGT không được khấu trừ 2009 theo QĐ số 215/QĐ-CT 01/02/2013 đối với XNDVVVT				(6.341.518)	(6.341.518)
- Giảm lợi nhuận do điều chỉnh Thuế GTGT không được khấu trừ 2008 theo QĐ số 215/QĐ-CT 01/02/2013 đối với XNDVVVT				(16.176.417)	(16.176.417)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	(70.527.237.282)	212.405.484.572
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	(70.527.237.282)	212.405.484.572
Tăng năm nay					
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lỗ 06 tháng năm 2014					(24.675.961.264)
- Trích lập quỹ theo NQ Đại hội cổ đông					
- Phân phối lợi nhuận năm trước					
- Giảm khác					
Số dư cuối ngày 30/06/2014	200.000.000.000	71.609.059.675	11.323.662.179	(95.203.198.546)	187.729.523.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ: Số 1 Hoàng văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014

2- Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

STT	Các hoạt động	Quý II năm 2014	06 tháng năm 2014	Quý II năm 2013	6 tháng năm 2013
1	Vận tải biển				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	139.892.204.969	287.082.258.997	133.128.603.398	271.881.170.128
	- Chi phí	142.407.517.549	290.853.634.633	148.249.133.805	301.837.309.455
	- Lợi nhuận	(2.515.312.580)	(3.771.375.636)	(15.120.530.407)	(29.956.139.327)
2	Hoạt động xếp dỡ giao nhận container				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.076.923.431	3.818.786.972	1.979.546.234	3.689.060.720
	- Chi phí	2.089.147.729	3.851.846.420	1.971.690.396	3.734.223.007
	- Lợi nhuận	(12.224.298)	(33.059.448)	7.855.838	(45.162.287)
3	Hoạt động DV nâng hạ Container				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.045.066.011	4.053.513.534	1.378.492.559	2.646.836.104
	- Chi phí	2.044.009.694	3.883.316.225	1.453.949.742	2.965.913.577
	- Lợi nhuận	1.056.317	170.197.309	(75.457.183)	(319.077.473)
4	Hoạt động Đại lý tàu biển				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	30.720.000	-	15.170.909
	- Chi phí	43.659.284	43.659.284	-	-
	- Lợi nhuận	(43.659.284)	(12.939.284)	-	15.170.909
5	Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	23.709.013.348	43.008.800.185	22.366.179.683	44.763.267.219
	- Chi phí	22.815.800.977	42.049.209.679	22.331.967.563	43.756.644.619
	- Lợi nhuận	893.212.371	959.590.506	34.212.120	1.006.622.600
6	Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	504.153.398	1.233.219.799	496.162.527	1.296.515.964
	- Chi phí	-	1.580.000	1.380.000	5.550.000
	- Lợi nhuận	504.153.398	1.231.639.799	494.782.527	1.290.965.964
7	Hoạt động thương mại				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	927.319.716	1.665.791.335	851.744.546	1.752.116.727
	- Chi phí	906.908.919	1.641.683.020	842.833.982	1.711.374.836
	- Lợi nhuận	20.410.797	24.108.315	8.910.564	40.741.891
8	Hoạt động SXKD khác				
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.343.944.727	2.800.326.336	768.222.103	1.638.401.409
	- Chi phí	1.203.835.406	2.679.732.122	824.514.359	1.351.713.324
	- Lợi nhuận	140.109.321	120.594.214	(56.292.256)	286.688.085
9	Hoạt động tài chính				
	- Doanh thu tài chính	127.782.618	650.478.581	153.324.004	642.313.815
	- Chi phí tài chính	14.473.815.104	24.347.415.424	25.121.791.103	40.815.210.291
	- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(14.346.032.486)	(23.696.936.843)	(24.968.467.099)	(40.172.896.476)
10	Hoạt động khác				
	- Thu nhập hoạt động khác	2.382.344.298	2.382.374.501	2.168	8.217.170
	- Chi phí hoạt động khác	2.049.603.982	2.050.154.697	133.531.240	696.611.948
	- Lợi nhuận từ hoạt động khác	332.740.316	332.219.804	(133.529.078)	(688.394.778)

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

TRƯỞNG PHÒNG TCKT



Trần Thị Thanh Hương

